

Số: 182/QĐ-KTNN

Hà Nội, ngày 04 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Ban hành Hướng dẫn kiểm toán**  
**Báo cáo quyết toán ngân sách bộ, cơ quan trung ương**  
**TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**


Căn cứ Luật Kiểm toán nhà nước số 81/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 55/2019/QH14;

Căn cứ Quyết định số 10/2025/QĐ-KTNN ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Tổng Kiểm toán nhà nước ban hành Quy trình kiểm toán của Kiểm toán nhà nước; Theo đề nghị của Kiểm toán trưởng Kiểm toán nhà nước chuyên ngành II.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Hướng dẫn kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách bộ, cơ quan trung ương của Kiểm toán nhà nước.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1772/QĐ-KTNN ngày 30 tháng 10 năm 2024 của Tổng Kiểm toán nhà nước về việc ban hành Hướng dẫn kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách bộ, cơ quan trung ương.

**Điều 3.** Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Kiểm toán nhà nước, Đoàn Kiểm toán nhà nước, các thành viên của Đoàn Kiểm toán nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

**Nơi nhận:**

- Lãnh đạo KTNN;
- Các đơn vị trực thuộc KTNN;
- Lưu: VT.

**TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**



**Ngô Văn Tuấn**



**HƯỚNG DẪN KIỂM TOÁN  
BÁO CÁO QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH  
BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG**

*(Kèm theo Quyết định số 182/QĐ-KTNN ngày 04 / 02/2026  
của Tổng Kiểm toán nhà nước)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Hướng dẫn kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách bộ, cơ quan trung ương quy định: Nội dung; thủ tục tiến hành kiểm toán Báo cáo quyết toán ngân sách của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương (sau đây gọi là BCQTNS bộ, cơ quan trung ương) do Kiểm toán nhà nước thực hiện. BCQTNS bộ, cơ quan trung ương tại Hướng dẫn này gồm Báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động và Báo cáo quyết toán (BCQT) vốn đầu tư công nguồn Ngân sách nhà nước theo năm ngân sách.

2. Các bước đầy đủ theo trình tự kiểm toán BCQTNS bộ, cơ quan trung ương được thực hiện theo Quy trình kiểm toán của KTNN. Hướng dẫn này chỉ tập trung hướng dẫn một số nội dung khi kiểm toán BCQTNS của bộ, cơ quan trung ương thuộc các giai đoạn: (i) Chuẩn bị kiểm toán; (ii) Thực hiện kiểm toán.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Hướng dẫn kiểm toán này áp dụng đối với các đơn vị trực thuộc KTNN, các Đoàn KTNN được giao nhiệm vụ thực hiện các cuộc kiểm toán BCQTNS bộ, cơ quan trung ương (gọi tắt là Đoàn kiểm toán), các thành viên Đoàn kiểm toán (viết tắt là KTVNN), các tổ chức, cá nhân được KTNN ủy thác thực hiện kiểm toán, cộng tác viên KTNN và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Điều 3. Mục tiêu kiểm toán của cuộc kiểm toán BCQTNS bộ, cơ quan trung ương**

1. Kiểm toán BCQTNS bộ, cơ quan trung ương nhằm đánh giá, xác nhận tính trung thực, hợp lý của BCQTNS bộ, cơ quan trung ương theo khuôn khổ về lập và trình bày BCQTNS hiện hành.

2. Thông qua kiểm toán BCQTNS bộ, cơ quan trung ương: (i) Đánh giá công tác lập, phân bổ dự toán ngân sách của bộ, cơ quan trung ương; (ii) Đánh giá công tác quản lý tài chính ngân sách của Bộ, cơ quan trung ương.

#### **Điều 4. Nguyên tắc kiểm toán BCQTNS bộ, cơ quan trung ương**

1. Khi thực hiện kiểm toán BCQTNS bộ, cơ quan trung ương, KTVNN áp dụng quy định Chuẩn mực kiểm toán về nguyên tắc của kiểm toán tài chính, Chuẩn mực kiểm toán về kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp, Báo cáo tài chính hợp nhất và các CMKTNN khác có liên quan.

2. Kiểm toán BCQTNS bộ, cơ quan trung ương được tiếp cận theo trình tự kiểm toán từ đỉnh đến đáy, nghĩa là tiếp cận từ BCQTNS bộ, cơ quan trung ương (đơn vị dự toán cấp I) đến BCQTNS của đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc.

3. Kiểm toán công tác lập, xét duyệt, tổng hợp lập BCQTNS bộ, cơ quan trung ương; quyết toán theo dự toán được giao. Khi thực hiện kiểm toán, trên cơ sở xác định trọng yếu, chọn mẫu một số BCQTNS của đơn vị sử dụng ngân sách, một số BCQT vốn đầu tư công nguồn NSNN theo năm ngân sách của chủ đầu tư để so sánh, đối chiếu, đánh giá công tác quyết toán, xét duyệt, lập BCQTNS bộ, cơ quan trung ương cũng như tính trung thực, hợp lý, sự phù hợp giữa số liệu tổng hợp và số liệu chi tiết.

4. Khi thực hiện kiểm toán BCQTNS bộ, cơ quan trung ương thực hiện kiểm toán theo khuôn khổ lập và trình bày BCQTNS để phục vụ kiểm toán tổng quyết toán NSNN. Một số nội dung đặc thù thuộc nguồn NSNN của các bộ, cơ quan trung ương như Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh... không thuộc phạm vi Hướng dẫn kiểm toán này.

#### **Điều 5. Tiêu chí sử dụng trong kiểm toán BCQTNS bộ, cơ quan trung ương**

1. KTVNN thiết lập và thực hiện các thủ tục kiểm toán theo các tiêu chí kiểm toán về khuôn khổ lập và trình bày BCQTNS bộ, cơ quan trung ương, cụ thể:

(i) BCQTNS bộ, cơ quan trung ương phải được tổng hợp đầy đủ từ BCQTNS của các đơn vị dự toán trực thuộc; các khoản thu, chi phát sinh thuộc phạm vi dự toán đều phải được ghi nhận, phản ánh trên BCQTNS bộ, cơ quan trung ương theo quy định.

(ii) Nội dung BCQTNS phản ánh đúng các nội dung theo dự toán NSNN được giao; các khoản mục trên BCQTNS phải đảm bảo phù hợp và thống nhất với chỉ tiêu dự toán được giao.

(iii) BCQTNS bộ, cơ quan trung ương phải được lập đúng quy định về thời hạn và mẫu biểu; nội dung BCQTNS phải phản ánh theo mục lục ngân sách nhà nước.

(iv) Số liệu quyết toán ngân sách của đơn vị sử dụng ngân sách, của chủ đầu tư phải được đối chiếu, xác nhận với Kho bạc Nhà nước (KBNN) nơi giao dịch trước khi gửi để tổng hợp, lập BCQTNS của đơn vị dự toán cấp trên; số liệu BCQTNS phải bảo đảm tính chính xác số học, đúng kỳ, đúng niên độ ngân sách;

(v) BCQTNS của đơn vị dự toán phải được cơ quan cấp trên xét duyệt trước khi tổng hợp, lập BCQTNS bộ, cơ quan trung ương; số liệu trên BCQTNS bộ, cơ quan trung ương bảo đảm được kiểm tra, giám sát đầy đủ theo các quy trình kiểm soát có hiệu lực.

2. KTVNN phải thực hiện đầy đủ các thủ tục kiểm toán nhằm thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp để đưa ra ý kiến về các tiêu chí kiểm toán về quyết toán NSNN trong khuôn khổ lập và trình bày BCQTNS trước khi đánh giá, xác nhận BCQTNS bộ, cơ quan trung ương.

3. Các quy định về lập, trình bày BCQTNS được quy định tại các văn bản sau:

- Luật NSNN; Luật Kế toán; Luật Đầu tư công.

- Các Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật NSNN, Luật Kế toán, Luật Đầu tư công, quy định liên quan đến quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công và các quy định khác có liên quan.

- Thông tư của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành liên quan đến Luật NSNN, Luật Kế toán, công tác xét duyệt, tổng hợp quyết toán năm và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

- Ngoài ra, KTVNN phải cập nhật các văn bản của Bộ Tài chính hướng dẫn riêng đối với công tác lập, xét duyệt, tổng hợp lập BCQTNS (nếu có).

#### **Điều 6. Mẫu biểu hồ sơ kiểm toán**

Việc lập hồ sơ kiểm toán của cuộc kiểm toán BCQTNS bộ, cơ quan trung ương được thực hiện theo quy định của Luật KTNN, Hệ thống CMKTNN, Quy định về hệ thống mẫu biểu hồ sơ kiểm toán và các quy định khác của KTNN và của pháp luật có liên quan.

#### **Điều 7. Tổ chức thực hiện cuộc kiểm toán BCQTNS bộ, cơ quan trung ương**

1. Kiểm toán BCQTNS bộ, cơ quan trung ương có thể tổ chức theo 02 hình thức: Cuộc kiểm toán độc lập hoặc thực hiện kiểm toán cùng với cuộc kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công của bộ, cơ quan trung ương.

2. Đối với cuộc kiểm toán BCQTNS bộ, cơ quan trung ương thực hiện kiểm toán cùng với cuộc kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công của bộ, cơ quan trung ương, lưu ý:

- Các nội dung kiểm toán BCQTNS được thực hiện khi kiểm toán tại cơ quan quản lý tài chính tổng hợp của bộ, cơ quan trung ương (cơ quan kế hoạch, tài chính của bộ, cơ quan trung ương).

- Sử dụng kết quả kiểm toán tại các đơn vị dự toán ngân sách được kiểm toán (theo quyết định kiểm toán) để làm cơ sở đánh giá, xác nhận BCQTNS bộ, cơ quan trung ương (kiểm tra việc điều chỉnh BCQT của các đơn vị theo kết quả kiểm toán của KTNN).

- Ngoài ra, có thể chọn mẫu một số BCQT của các đơn vị dự toán ngân sách khác chưa được kiểm toán để so sánh, đối chiếu, đánh giá công tác quyết toán, xét duyệt, lập BCQTNS bộ, cơ quan trung ương cũng như tính trung thực, hợp lý, sự phù hợp giữa số liệu tổng hợp và số liệu chi tiết.

- Kết quả kiểm toán BCQTNS được thể hiện tại một phần riêng trong Báo cáo kiểm toán của bộ, cơ quan trung ương (phần đánh giá xác nhận).

**Điều 8. Yêu cầu đối với KTVNN khi thực hiện kiểm toán BCQTNS bộ, cơ quan trung ương.**

1. Tuân thủ Luật KTNN, quy trình kiểm toán của KTNN, thực hiện theo CMKTNN về mục tiêu tổng thể và yêu cầu đối với KTVNN thực hiện cuộc kiểm toán tài chính, các quy định pháp luật có liên quan và hướng dẫn tại văn bản này.

2. Thực hiện kiểm toán để đánh giá, xác nhận phải trên khuôn khổ quy định về lập và trình bày BCQTNS theo quy định của pháp luật có liên quan và các văn bản hướng dẫn.

3. Khi thực hiện kiểm toán BCQTNS bộ, cơ quan trung ương cùng với cuộc kiểm toán quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công hay cuộc kiểm toán độc lập BCQTNS, KTVNN chỉ được đánh giá, xác nhận khi tiến hành đầy đủ các thủ tục kiểm toán theo quy trình kiểm toán của KTNN, các CMKTNN có liên quan và tiêu chí kiểm toán được xây dựng phù hợp với khuôn khổ lập và trình bày BCQTNS bộ, cơ quan trung ương.

## Chương II

### CHUẨN BỊ KIỂM TOÁN

**Điều 9. Khảo sát, thu thập thông tin**

Việc khảo sát và thu thập thông tin thực hiện theo Quy trình kiểm toán của KTNN. Lưu ý về thông tin cơ bản cần thu thập theo tính chất của cuộc kiểm toán BCQTNS bộ, cơ quan trung ương và các tài liệu, hồ sơ, báo cáo cần thu thập liên quan đến vấn đề được kiểm toán, gồm các nội dung:

1. Các tài liệu, hồ sơ, báo cáo cần thu thập

- BCQTNS bộ, cơ quan trung ương của năm được kiểm toán, bao gồm các loại báo cáo được lập và trình bày theo quy định hiện hành về báo cáo quyết toán NSNN (Luật NSNN, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn, Chế độ kế toán).

- Văn bản kiểm tra quyết toán của Bộ Tài chính đối với BCQTNS bộ, cơ quan trung ương niên độ trước liền kề hoặc niên độ được kiểm toán (nếu có).

- Tình hình xét duyệt quyết toán của các đơn vị dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc bộ, cơ quan trung ương.

- Thông tin về tình hình và kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán: Những tài liệu kết luận trước đó và những nội dung đang thực hiện hoặc đã có kế hoạch thực hiện (bao gồm báo cáo kiểm toán kỳ trước).

- Các quy định riêng do các bộ, cơ quan trung ương ban hành về khuôn khổ lập và trình bày BCQTNS, thông tin tài chính đối với các đơn vị trực thuộc (nếu có).

- Việc phân cấp xét duyệt BCQTNS đối với đơn vị dự toán trung gian hoặc nguồn vốn vay, viện trợ (nếu có).

2. Tìm hiểu về bộ, cơ quan trung ương được kiểm toán và môi trường hoạt động của đơn vị

- Lĩnh vực, ngành nghề quản lý hoạt động; các quy định pháp lý và các yếu tố khác có liên quan.

- Đặc điểm của bộ, cơ quan trung ương: Chức năng, nhiệm vụ; cơ cấu tổ chức bộ máy, sự phân cấp và mối quan hệ giữa các đơn vị trực thuộc trong hệ thống tổ chức bộ máy; cơ chế phân cấp về quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí và tài sản; bản chất của các nguồn thu, chi; quy trình hoạt động và các thay đổi đáng kể so với các kỳ trước trong hoạt động của đơn vị;...

- Chính sách kế toán mà đơn vị đang áp dụng và lý do thay đổi (bao gồm cả các nguyên tắc kế toán và các quy định đặc thù của từng ngành, lĩnh vực, như quyết toán chương trình mục tiêu, nguồn kinh phí khác).

- Phân cấp xét duyệt báo cáo quyết toán ngân sách của đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách trung ương; trách nhiệm và thẩm quyền xét duyệt nguồn vốn vay, viện trợ, nguồn khác

- Mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện và cách thức đo lường, đánh giá kết quả hoạt động của đơn vị.

3. Nắm bắt, cập nhật về đặc điểm, tình hình kinh tế xã hội của năm được kiểm toán và các thời kỳ trước, sau có liên quan tác động đến công tác quản lý, sử dụng ngân sách và thực hiện chức năng, nhiệm vụ của bộ, cơ quan trung ương.

4. Thu thập thông tin về kiểm soát nội bộ có liên quan đến cuộc kiểm toán.

KTVNN cần tìm hiểu về các kiểm soát được áp dụng trong việc lập BCQTNS bộ, cơ quan trung ương và quy trình tổng hợp, lập BCQTNS bộ, cơ quan trung ương, bao gồm cả các hướng dẫn cho các đơn vị trực thuộc, cơ chế phân cấp quản lý tài chính; điều hành thu, chi ngân sách năm được kiểm toán. Hiểu biết về kiểm soát nội bộ giúp KTVNN đánh giá rủi ro kiểm soát, các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro có sai sót trọng yếu và xác định nội dung, lịch trình và phạm vi của các thủ tục kiểm toán khi lập Kế hoạch kiểm toán. KTVNN cần lưu ý các nội dung sau:

- Môi trường kiểm soát: Thông tin về tính chính trực và giá trị đạo đức; đảm bảo về năng lực và trình độ nhân viên; hoạt động của bộ máy kiểm soát độc lập;

triết lý và phong cách điều hành của lãnh đạo; cơ cấu tổ chức thích hợp; phân công quyền hạn và trách nhiệm; các chính sách quy định về nhân sự.

- Thủ tục kiểm soát trong quy trình lập BCQTNS: (i) Bộ, cơ quan trung ương có trách nhiệm xét duyệt quyết toán đối với đơn vị dự toán và các chủ đầu tư và thông báo kết quả xét duyệt trước khi tổng hợp, lập báo cáo quyết toán gửi Bộ Tài chính; (ii) Bộ, cơ quan trung ương thực hiện đối chiếu với cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp trung ương để xác nhận các số liệu phục vụ công tác quyết toán theo niên độ chi tiết đến từng dự án trước khi tổng hợp, gửi báo cáo quyết toán theo niên độ cho Bộ Tài chính.

- Khi tìm hiểu Hệ thống kiểm soát của đơn vị, KTVNN thực hiện theo hướng dẫn của CMKTNN về xác định và đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong kiểm toán tài chính, CMKTNN về kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp, báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 5. Phương pháp thu thập thông tin

a) Theo quy định của Luật NSNN, các bộ, cơ quan trung ương gửi BCQTNS về KTNN trước ngày 05 tháng 7 năm sau. Trong trường hợp chưa nhận được, KTNN có văn bản đôn đốc các đơn vị gửi BCQTNS theo quy định. Khi thu thập thông tin lập KHKT tổng quát, đơn vị chủ trì cuộc kiểm toán căn cứ vào tình hình thực tế, xem xét việc lập đề cương khảo sát gửi bộ, cơ quan trung ương và tổ chức thu thập thông tin, khảo sát tại bộ, cơ quan trung ương trong trường hợp không thể thu thập từ các nguồn theo điểm b khoản này.

Đưa ra yêu cầu bằng văn bản với cơ quan kiểm soát, thanh toán cấp trung ương (KBNN) đề nghị cung cấp các báo cáo để Đoàn kiểm toán làm căn cứ kiểm tra và đưa ra nhận xét, kiến nghị kiểm tra tính đầy đủ, đúng danh mục dự án, vốn kế hoạch, số vốn giải ngân, sự phù hợp về nguồn vốn, cơ cấu vốn, ngành, lĩnh vực từng dự án: Báo cáo tổng hợp quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước của các bộ, cơ quan trung ương theo năm ngân sách; Báo cáo chi tiết quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước của các bộ, cơ quan trung ương theo năm ngân sách.

b) Nguồn để khảo sát, thu thập thông tin thường bao gồm:

- BCQTNS, dự toán, dự toán điều chỉnh, thông báo xét duyệt quyết toán và các thông tin khác của các bộ, cơ quan trung ương gửi KTNN theo quy định pháp luật.

- Hồ sơ kiểm toán lưu trữ tại KTNN.

- Dữ liệu dự toán, quyết toán của các bộ, cơ quan trung ương trên hệ thống cơ sở dữ liệu của KTNN và trên cổng thông tin điện tử các bộ, cơ quan trung ương.

- Công văn, báo cáo của bộ, cơ quan trung ương gửi đến KTNN.

- Thông tin từ các đoàn kiểm toán có liên quan (kỳ trước, chuyên đề có liên quan đến bộ, cơ quan trung ương được kiểm toán, kiểm tra thực hiện kiến nghị,...)
- Phương tiện thông tin đại chúng.

### **Điều 10. Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và thông tin khảo sát, thu thập**

Thực hiện đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và các thông tin đã thu thập theo Quy trình kiểm toán của KTNN; tập trung một số nội dung sau:

- Đánh giá sơ bộ về tình hình quản lý ngân sách thông qua các vấn đề liên quan đến dự toán, thực tế năm trước liền kề năm được kiểm toán, kế hoạch tài chính 5 năm.

- Đánh giá tính đầy đủ, phù hợp đối với các thông tin, các sai sót của đơn vị tại các cuộc kiểm toán trước đây có liên quan đến số liệu trên BCQTNS.

- Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của bộ, cơ quan trung ương trên các mặt: Độ tin cậy, tính đầy đủ, tính liên tục, tính hiệu lực của các quy trình, thủ tục kiểm soát và bộ máy kiểm soát nội bộ, tính hợp pháp, hợp lệ của các thông tin thu thập được; đánh giá về môi trường kiểm soát, năng lực của các bộ phận làm công tác quản lý, kiểm soát thu, chi ngân sách, công tác kế toán. Các đơn vị sử dụng ngân sách và đơn vị dự toán cấp trên có thường xuyên trao đổi thông tin, đối chiếu số liệu hay không, đơn vị dự toán cấp I có thường xuyên theo dõi, kiểm tra đơn vị dự toán cấp dưới, đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc hay không.

- Đánh giá hệ thống các quy định nội bộ (tổ chức và hoạt động) trong quản lý, điều hành và quyết toán ngân sách; những biến động bất thường trong chi ngân sách; các hoạt động kiểm tra, kiểm soát của đơn vị và các biện pháp xử lý rủi ro liên quan.

- Đánh giá việc tuân thủ các quy định, hướng dẫn về xét duyệt và thông báo kết quả xét duyệt quyết toán năm của đơn vị cấp trên đối với các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc trước khi tổng hợp, lập BCQTNS bộ, cơ quan trung ương.

- Đánh giá việc bộ, cơ quan trung ương thực hiện xét duyệt BCQT vốn đầu tư nguồn NSNN của các chủ đầu tư và đối chiếu kiểm tra tính đầy đủ, khớp đúng số liệu với cơ quan kiểm soát, thanh toán cùng cấp.

- Kiểm tra tính hữu hiệu của hoạt động kiểm soát được áp dụng trong tổng hợp, lập BCQTNS bộ, cơ quan trung ương. Trong đó, xem xét nội dung, phạm vi của các thủ tục kiểm soát đối với công việc của quy trình tổng hợp, lập báo cáo quyết toán của các cơ quan tài chính tổng hợp ở trung ương (Bộ Tài chính, Kho bạc nhà nước, Cục Thuế, Cục Hải quan,...) đã được triển khai, áp dụng cho cả hệ thống đầy đủ; các chế độ kế toán, chính sách và thủ tục trong quá trình lập báo cáo quyết toán, bao gồm các hướng dẫn của Bộ Tài chính, các quy định riêng do các cơ quan tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước (Kho bạc nhà nước, Cục Thuế, Cục Hải quan...) ban hành về lập và trình bày báo cáo quyết toán (nếu có) có bảo đảm phù hợp, nhất quán và được triển khai thực hiện.

- Đánh giá hoạt động kiểm soát bao gồm các hoạt động thanh tra, kiểm tra của Thanh tra Chính phủ và các cơ quan quản lý của Bộ Tài chính.

### **Điều 11. Lập kế hoạch kiểm toán tổng quát**

Trên cơ sở khảo sát, thu thập và đánh giá thông tin về hệ thống kiểm soát nội bộ, thông tin về tài chính và các thông tin khác về đơn vị được kiểm toán, đánh giá rủi ro và xác định trọng yếu kiểm toán, Kế hoạch kiểm toán tổng quát (KHKT) được lập theo quy định của CMKTNN về lập KHKT của cuộc kiểm toán tài chính. KHKT tổng quát bao gồm các nội dung cơ bản sau:

#### 1. Mục tiêu kiểm toán

Căn cứ vào Mục tiêu theo Điều 3 của Hướng dẫn này và hướng dẫn mục tiêu, trọng yếu, nội dung kiểm toán chủ yếu do KTNN ban hành hàng năm để xem xét, xác định mục tiêu phù hợp cho từng cuộc kiểm toán BCQTNS bộ, cơ quan trung ương.

Ngoài ra, nếu năm kiểm toán của bộ, cơ quan trung ương có đặc thù riêng hoặc theo yêu cầu của Tổng Kiểm toán nhà nước, cơ quan có thẩm quyền thì phải bổ sung mục tiêu nhưng phải đảm bảo mục tiêu đánh giá, xác nhận BCQTNS.

#### 2. Xác định và đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu

Trên cơ sở thông tin thu thập được và kết quả phân tích, đánh giá thông tin, KTVNN thực hiện đánh giá rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát và kết hợp lại theo ma trận rủi ro để xác định và đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu theo các mức độ (*cao, trung bình, thấp*); Xác định và đánh giá rủi ro ở cấp độ BCQT và cấp độ cơ sở dẫn liệu của loại, nguồn kinh phí, thông tin thuyết minh theo quy định tại Quy trình kiểm toán của KTNN.

Trình tự, thủ tục xác định và đánh giá rủi ro kiểm toán thực hiện theo quy định tại CMKTNN về xác định và đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong kiểm toán tài chính.

#### 3. Xác định trọng yếu kiểm toán

Dựa trên kết quả phân tích, đánh giá thông tin về đơn vị được kiểm toán, kết quả đánh giá rủi ro, KTVNN xác định trọng yếu kiểm toán đối với tổng thể Báo cáo quyết toán và đối với khoản mục, nhóm giao dịch và thông tin thuyết minh cần lưu ý (nếu có).

Trình tự, thủ tục xác định trọng yếu kiểm toán thực hiện theo quy định tại CMKTNN về xác định và đánh giá trọng yếu trong kiểm toán tài chính.

#### 4. Nội dung kiểm toán

##### 4.1. Báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động

*\* Thực hiện kiểm toán tại đơn vị được giao nhiệm vụ tham mưu, giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương về tổ chức thực hiện và quyết toán ngân sách nhà nước.*

a) Về cấp độ tổng thể BCQTNS

- BCQTNS bộ, cơ quan trung ương có được lập đảm bảo đúng quy định về thời hạn và mẫu biểu BCQTNS hay không.

- BCQTNS của bộ, cơ quan trung ương có được tổng hợp đầy đủ từ BCQTNS của các đơn vị dự toán trực thuộc không.

- Việc xét duyệt quyết toán NSNN: Công tác xét duyệt và thông báo kết quả xét duyệt quyết toán năm của đơn vị dự toán cấp trên đối với các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc trước khi tổng hợp, lập BCQTNS gửi Bộ Tài chính. Việc xét duyệt quyết toán năm của đơn vị dự toán cấp I có đảm bảo quy trình, thủ tục, nội dung theo quy định tại Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn.

- Nội dung báo cáo quyết toán NSNN có theo đúng các nội dung ghi trong dự toán ngân sách nhà nước được giao và theo MLNS; quyết toán NSNN có được thực hiện thống nhất theo chế độ kế toán nhà nước, mục lục NSNN.

- Số liệu quyết toán ngân sách của đơn vị sử dụng ngân sách có được đối chiếu, xác nhận với KBNN nơi giao dịch khi tổng hợp, lập BCQT của đơn vị dự toán cấp trên hay không.

- Hệ thống các chỉ tiêu trên BCQTNS bộ, cơ quan trung ương có được tổng hợp đầy đủ, đúng theo chỉ tiêu trên BCQTNS của đơn vị dự toán trực thuộc, đảm bảo tính đầy đủ, trung thực không.

- Công tác lập, giao, phân bổ dự toán của bộ, cơ quan trung ương, lưu ý công tác phân bổ dự toán cho các đơn vị sử dụng ngân sách có bảo đảm đúng với dự toán được Thủ tướng Chính phủ giao cả về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ thu, chi, nộp NSNN được giao hay không; có đảm bảo quy trình, thời hạn phân bổ không; việc tuân thủ Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn, Nghị quyết của Quốc hội và Chính phủ về điều hành ngân sách; việc bổ sung dự toán, điều chỉnh dự toán trong năm có đúng quy định không.

- Kiểm toán đánh giá việc công khai dự toán, báo cáo quyết toán theo quy định của Luật NSNN và các văn bản quy định.

b) Về cấp độ khoản mục trong Báo cáo quyết toán ngân sách

(1) Các nội dung kiểm toán được xác định theo nội dung kinh tế lĩnh vực, nguồn kinh phí được quy định tại hệ thống Mục lục NSNN, gồm:

- Giáo dục - đào tạo và dạy nghề (Loại 070);
- Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Loại 100);
- Y tế, dân số và gia đình (Loại 130);
- Văn hóa thông tin (Loại 160);
- Phát thanh, truyền hình, thông tấn (Loại 190);
- Thể dục thể thao (Loại 220);

- Bảo vệ môi trường (Loại 250);
- Các hoạt động kinh tế (Loại 280);
- Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể (Loại 340);
- Bảo đảm xã hội (Loại 370);
- Tài chính và khác (Loại 400)
- Chuyển giao, chuyển nguồn (Loại 430)

(2) Các nội dung kiểm toán được xác định theo khoản mục trọng yếu được quy định tại BCQTNS, gồm:

- Dự toán được giao trong năm đối với từng lĩnh vực trọng yếu;
- Kinh phí đề nghị quyết toán trong năm đối với từng lĩnh vực trọng yếu.
- Số dư được chuyển nguồn sang năm sau để thực hiện và hạch toán quyết toán vào ngân sách năm sau.

(3) Trên cơ sở đánh giá rủi ro, xác định trọng yếu kiểm toán để xác định nội dung, khoản mục trọng yếu khi kiểm toán các chỉ tiêu của BCQTNS của bộ, cơ quan trung ương theo các lĩnh vực chi ngân sách, nguồn kinh phí.

Việc xác định trọng yếu kiểm toán thực hiện theo hướng dẫn tại CMKTNN về xác định và vận dụng trọng yếu trong kiểm toán tài chính, trong đó cần lưu ý:

- Trọng yếu kiểm toán BCQT được xác định trên cả phương diện định lượng và định tính. Khi xác định trọng yếu kiểm toán cần chú ý các vấn đề, nội dung, khoản mục có thể có những sai sót ảnh hưởng đáng kể như: Quy mô lớn, rủi ro có sai sót trọng yếu, là trọng tâm quản lý của bộ, cơ quan trung ương; các chỉ tiêu có biến động bất thường, hay có phát hiện sai sót,...

- Khi xét đoán tính trọng yếu của các sai sót đối với BCQTNS, KTVNN không chỉ dựa vào quy mô sai sót (khía cạnh định lượng) mà còn phải xem xét bản chất của sai sót trong từng hoàn cảnh cụ thể (khía cạnh định tính).

- Các sai sót, thông tin thiếu hoặc thông tin không chính xác được coi là trọng yếu khi bản chất, tính chất và tầm quan trọng của nó có thể gây ảnh hưởng đến quyết định của các đối tượng sử dụng thông tin tài chính cho dù quy mô sai sót có thể nhỏ.

- Khi xem xét trọng yếu, KTVNN cần lưu ý các trường hợp sau: (i) Đối tượng sử dụng thông tin được kiểm toán quan tâm đến một khoản mục nhất định cần được thuyết minh riêng rẽ trên BCQTNS; (ii) Các vấn đề được Quốc hội, Chính phủ, dư luận xã hội đang quan tâm ngoài lĩnh vực kinh tế; (iii) Các nội dung thuộc trọng tâm, định hướng của ngành liên quan đến cuộc kiểm toán; (iv) Những thông tin thuyết minh quan trọng liên quan đến các báo cáo hoạt động hoặc đối với việc không tuân thủ.

- Trong một số trường hợp, trọng yếu có thể xác định bằng các yếu tố phi tài chính để đánh giá rủi ro đối với các báo cáo hoạt động hoặc đối với việc thiếu tuân thủ. Khi trọng yếu này được xác định, KTVNN sẽ đưa ra các dự kiến cơ bản đối với tính trung thực, hợp lý của báo cáo, hiệu quả về mặt chi phí của hoạt động và tính tuân thủ.

(4) Nội dung kiểm toán đối với các khoản mục trọng yếu

- Việc lập BCQTNS bộ, cơ quan trung ương có bảo đảm sự trung thực, khách quan, đầy đủ đối với các nguồn kinh phí.

- Tính phù hợp và thống nhất giữa chỉ tiêu quyết toán của khoản mục trên BCQTNS với chỉ tiêu dự toán giao; Quyết toán có theo đúng mục lục NSNN không.

- Đánh giá công tác lập, phân bổ và giao dự toán có theo đúng yêu cầu của Luật NSNN và quy định pháp luật có liên quan, có đảm bảo đầy đủ thuyết minh, cơ sở pháp lý, căn cứ không.

- Công tác xử lý số chuyển nguồn cuối năm theo các quy định hiện hành.

- Số liệu quyết toán ngân sách của đơn vị sử dụng ngân sách có được đối chiếu, xác nhận với KBNN nơi giao dịch.

4.2. Đối với kiểm toán quyết toán Báo cáo quyết toán vốn đầu tư công nguồn NSNN theo năm ngân sách của bộ, cơ quan trung ương

*\* Thực hiện kiểm toán tại đơn vị được giao nhiệm vụ tham mưu, giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan Trung ương về tổ chức thực hiện và quyết toán vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước.*

a) Về cấp độ tổng thể Báo cáo quyết toán vốn đầu tư công nguồn NSNN

- Số liệu tại BCQT theo niên độ có được đối chiếu, xác nhận, đảm bảo khớp đúng giữa các cơ quan báo cáo không, cụ thể: (i) Đối chiếu, xác nhận giữa chủ đầu tư với cơ quan kiểm soát, thanh toán nơi giao dịch về số vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước đã giải ngân trong năm quyết toán khi lập báo cáo quyết toán theo niên độ gửi bộ, cơ quan trung ương hoặc cơ quan cấp trên của chủ đầu tư; (ii) Đối chiếu, xác nhận giữa các bộ, cơ quan trung ương theo phân cấp quản lý với cơ quan kiểm soát, thanh toán cùng cấp về số liệu vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước đã giải ngân trong năm quyết toán khi lập báo cáo quyết toán theo niên độ gửi cơ quan tài chính cùng cấp.

- Số liệu tại BCQT theo niên độ có được phản ánh chi tiết theo từng cơ quan chủ quản, từng nguồn vốn, từng ngành, lĩnh vực, từng dự án (chi tiết vốn trong nước và vốn nước ngoài) theo quyết định giao của cấp có thẩm quyền.

b) Về cấp độ khoản mục trong BCQT vốn đầu tư công nguồn NSNN

- Đánh giá việc tuân thủ quy định quyết toán đối với vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước tại BCQT theo niên độ, bao gồm:

+ Vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao kế hoạch năm quyết toán.

+ Vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước thuộc kế hoạch các năm trước được cơ quan có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán sang năm quyết toán.

- Đánh giá việc tuân thủ quy định đối với vốn thanh toán được quyết toán theo niên độ, bao gồm:

+ Vốn kế hoạch thanh toán cho khối lượng hoàn thành của các dự án sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước được giao kế hoạch năm quyết toán từ ngày 01 tháng 01 năm quyết toán đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau.

+ Vốn kế hoạch thanh toán cho khối lượng hoàn thành của các dự án sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước thuộc kế hoạch năm trước được phép kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán sang năm quyết toán đã được thực hiện từ ngày 01 tháng 02 năm quyết toán đến hết ngày 31 tháng 12 năm đó.

+ Thanh toán khối lượng hoàn thành từ ngày 01 tháng 02 năm kế hoạch đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau các khoản đã tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi từ các năm trước chuyển sang năm quyết toán.

+ Vốn nước ngoài đưa vào BCQT theo niên độ gồm: số vốn đã được ghi thu - ghi chi cho phần khối lượng hoàn thành và số vốn đã thanh toán cho phần khối lượng hoàn thành.

c) Nội dung kiểm toán đối với các khoản mục trọng yếu

- Kiểm toán, đánh giá công tác lập, phân bổ và giao kế hoạch vốn đầu tư công, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công, giao nguồn dự phòng NSTW.

- Kiểm toán việc lập, xét duyệt BCQT vốn đầu tư công nguồn NSNN theo năm ngân sách của bộ, cơ quan trung ương, trong đó tập trung các nội dung:

+ Số liệu quyết toán ngân sách của chủ đầu tư có được đối chiếu, xác nhận với KBNN nơi giao dịch trước khi gửi để tổng hợp, lập BCQTNS của đơn vị dự toán cấp trên; số liệu BCQTNS có bảo đảm tính chính xác số học, đúng kỳ, đúng niên độ ngân sách.

+ Số liệu tại BCQT theo niên độ có được phản ánh chi tiết theo từng cơ quan chủ quản, từng nguồn vốn, từng ngành, lĩnh vực, từng dự án (chi tiết vốn trong nước và vốn nước ngoài) theo đúng quyết định giao của cấp có thẩm quyền.

+ Đánh giá việc kéo dài thời gian thanh toán; việc điều chuyển kế hoạch vốn đầu tư nguồn NSNN. Trong đó lưu ý tình hình thực hiện và giải ngân đối với nguồn vốn năm trước kéo dài sang năm sau (hủy bỏ, thu hồi về NSNN các khoản chuyển nguồn không đúng quy định, không có nhu cầu sử dụng hoặc quá thời gian giải ngân theo quy định)

+ Kiểm tra trình tự lập, gửi, xét duyệt và thông báo kết quả xét duyệt BCQT vốn đầu tư nguồn NSNN niên độ.

- Xác định số liệu và đánh giá việc thu hồi vốn ứng trước từ ngân sách trung ương cho các dự án đầu tư của các bộ, cơ quan trung ương; đánh giá công tác theo dõi việc thu hồi các khoản ứng trước dự toán phải thu hồi trong năm.

#### 5. Phương pháp và thủ tục kiểm toán

Phương pháp kiểm toán và các thủ tục kiểm toán chủ yếu được thiết kế áp dụng cho các nội dung kiểm toán phù hợp dựa trên đánh giá rủi ro và xác định trọng yếu trong thực hiện kiểm toán. Một số phương pháp, thủ tục kiểm toán chủ yếu được hướng dẫn tại Điều 14 và Điều 17 Chương III của Hướng dẫn này.

#### 6. Phạm vi kiểm toán

- Thời kỳ kiểm toán: Năm ngân sách được kiểm toán, các thời kỳ trước và sau có liên quan.

- Đơn vị được kiểm toán: Bộ, cơ quan trung ương.

#### 7. Thời hạn kiểm toán

Thời hạn của 01 cuộc kiểm toán bảo đảm quy định tại Luật KTNN, phụ thuộc vào quy mô ngân sách của từng bộ, cơ quan trung ương và qua đánh giá rủi ro và xác định trọng yếu. Đồng thời, xem xét đến các cuộc kiểm toán khác có liên quan đến bộ, cơ quan đó (tần suất kiểm toán BCQTNS, cuộc kiểm toán tài chính công, tài sản công đã thực hiện trong năm...).

#### 8. Giới hạn kiểm toán

Đối với từng cuộc kiểm toán tại các bộ, cơ quan trung ương, nếu phát sinh giới hạn kiểm toán, cần nêu rõ nguyên nhân.

### Chương III

## THỰC HIỆN KIỂM TOÁN

### MỤC I

#### PHƯƠNG PHÁP, THỦ TỤC KIỂM TOÁN CHỦ YẾU

#### ĐỐI VỚI KIỂM TOÁN BÁO CÁO QUYẾT TOÁN KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG

##### Điều 12. Tài liệu thu thập đối với kiểm toán BCQT kinh phí hoạt động

1. Báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động năm được quy định tại Chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp, gồm: Các mẫu biểu quy định tại danh mục Báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động theo quy định tại Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN của Chính Phủ và Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định.

2. Báo cáo tài chính của bộ, cơ quan trung ương năm được kiểm toán.

3. Báo cáo quyết toán kinh phí hoạt động năm trước liền kề: Gồm bộ báo cáo đầy đủ như khoản 1 điều này của niên độ năm trước.

4. Hồ sơ xét duyệt báo cáo quyết toán các đơn vị cấp dưới, kiểm tra về tính đầy đủ, khớp đúng giữa các số liệu quyết toán với xác nhận của Kho bạc Nhà nước của bộ, cơ quan trung ương đối với các đơn vị dự toán trực thuộc; của đơn vị dự toán cấp trung gian đối với đơn vị sử dụng ngân sách.

- Thông báo kế hoạch xét duyệt quyết toán cho các đơn vị dự toán trực thuộc;

- Biên bản xét duyệt quyết toán năm với đơn vị được xét duyệt (Theo mẫu ban hành kèm Thông tư của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thông báo và tổng hợp quyết toán năm);

- Thông báo xét duyệt quyết toán năm gửi đơn vị được xét duyệt (Theo mẫu ban hành kèm Thông tư của Bộ Tài chính quy định xét duyệt thông báo và tổng hợp quyết toán năm).

5. Hồ sơ, tài liệu chi tiết để lập báo cáo quyết toán

- Danh sách các đơn vị trực thuộc phải tổng hợp vào báo cáo quyết toán năm;

- Báo cáo quyết toán ngân sách năm đã được xét duyệt của các đơn vị (được phát hành đầy đủ thủ tục theo quy định);

- Các bản đối chiếu số liệu quyết toán, số dư cuối kỳ, số chuyển nguồn... với KBNN.

- Hồ sơ, tài liệu tổng hợp báo cáo quyết toán năm của đơn vị theo quy trình.

6. Hồ sơ công khai BCQTNS năm: Các hồ sơ, tài liệu về công khai BCQTNS năm theo quy định tại Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN.

7. Hồ sơ lập dự toán; phương án phân bổ dự toán; thẩm tra phân bổ dự toán; Quyết định giao dự toán của bộ, cơ quan trung ương cho các đơn vị trực thuộc. Quyết định giao dự toán của Thủ tướng Chính phủ. Hồ sơ, căn cứ điều hành dự toán của bộ, cơ quan trung ương.

8. Văn bản kiểm tra quyết toán của Bộ Tài chính đối với BCQTNS bộ, cơ quan trung ương niên độ trước liền kề hoặc niên độ được kiểm toán (nếu có).

9. Hồ sơ khác có liên quan (nếu có).

**Điều 13. Kiểm toán công tác lập, xét duyệt quyết toán ngân sách của bộ, cơ quan trung ương**

Khi kiểm toán quyết toán công tác lập, xét duyệt quyết toán ngân sách, KTVNN cần chú ý đến trách nhiệm tuân thủ (hay không tuân thủ) quy trình. Khi xem xét quyết toán của đơn vị sử dụng ngân sách theo khoản 1 điều này, không thực hiện kiểm toán việc sử dụng ngân sách, chỉ xem xét đến khía cạnh hợp lý, hợp lệ trong khuôn khổ về lập và trình bày BCQT theo quy định. KTVNN phải

thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá theo tiêu chí kiểm toán về khuôn khổ lập và trình bày BCQTNS bộ, cơ quan trung ương.

KTVNN đánh giá việc tuân thủ quy trình về lập, xét duyệt quyết toán ngân sách của bộ, cơ quan trung ương theo quy định hiện hành, bao gồm:

1. Đơn vị sử dụng ngân sách lập BCQTNS theo chế độ quy định và gửi đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp. Trường hợp cơ quan cấp dưới nhận kinh phí ủy quyền của cơ quan cấp trên, thì báo cáo quyết toán phần kinh phí ủy quyền với cơ quan cấp trên đã ủy quyền.

2. Đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp xét duyệt quyết toán ngân sách của đơn vị trực thuộc và thông báo kết quả xét duyệt gửi đơn vị được xét duyệt; tổng hợp, lập BCQTNS thuộc phạm vi được giao quản lý, gửi đơn vị dự toán cấp trên trực tiếp.

3. Đơn vị dự toán cấp I (bộ, cơ quan trung ương) xét duyệt quyết toán ngân sách của đơn vị trực thuộc và thông báo kết quả xét duyệt gửi đơn vị được xét duyệt; tổng hợp, lập BCQTNS thuộc phạm vi được giao quản lý, gửi cơ quan tài chính cùng cấp.

#### **Điều 14. Thủ tục kiểm toán BCQT kinh phí hoạt động**

1. Trên cơ sở quy định về trình tự lập, xét duyệt tổng hợp lập BCQTNS của các đơn vị dự toán ngân sách được nêu tại Điều 13 của Hướng dẫn này (gọi là trình tự từ đáy đến đỉnh). Các thủ tục kiểm toán được tiếp cận theo nguyên tắc từ đỉnh đến đáy.

Để thiết kế thủ tục kiểm toán phù hợp, KTVNN áp dụng CMKTNN về xác định và đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu thông qua hiểu biết về đơn vị được kiểm toán và môi trường hoạt động của đơn vị trong kiểm toán tài chính, trong đó lưu ý:

- Việc xác định các rủi ro và ảnh hưởng của chúng đối với cuộc kiểm toán cần được xem xét trong suốt quá trình kiểm toán. Việc lựa chọn các thủ tục kiểm toán cụ thể sẽ phụ thuộc vào đánh giá rủi ro kiểm toán hay phân tích các vấn đề.

- KTVNN phải thực hiện các xét đoán chuyên môn và duy trì thái độ hoài nghi nghề nghiệp; phải xem xét vận dụng khái niệm trọng yếu trong suốt quá trình kiểm toán, xem xét trọng yếu đối với từng giao dịch, khoản mục, nhóm khoản mục và tổng thể BCQTNS.

2. Một số thủ tục kiểm toán chủ yếu theo nội dung kiểm toán

a) Về cấp độ tổng thể BCQTNS

- BCQTNS của bộ, cơ quan trung ương phải được tổng hợp đầy đủ từ BCQTNS của các đơn vị dự toán trực thuộc: Kiểm tra số lượng, mẫu biểu BCQTNS của các đơn vị dự toán trực thuộc và đơn vị sử dụng ngân sách có phù hợp với danh mục các đơn vị trực thuộc theo cơ cấu tổ chức (có tổ chức kế toán, lập BCQT theo quy định).

- Đơn vị dự toán cấp trên xét duyệt và thông báo kết quả xét duyệt quyết toán năm đối với các đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc theo quy định:

Kiểm tra trách nhiệm xét duyệt báo cáo quyết toán của đơn vị cấp trên đối với tất cả các Báo cáo quyết toán của đơn vị cấp dưới trực thuộc, đảm bảo đúng nội dung và thời hạn xét duyệt. Trên cơ sở đánh giá rủi ro, trọng yếu, chọn mẫu BCQTNS của đơn vị trực thuộc để đánh giá quy trình, nội dung, kết quả xét duyệt phù hợp với quy định của Luật NSNN, Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật NSNN, Thông tư của Bộ Tài chính quy định xét duyệt, thông báo và tổng hợp quyết toán năm.

- Thực hiện thủ tục đối chiếu BCQTNS bộ, cơ quan trung ương và các quyết định giao dự toán của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và quy định về hệ thống mục lục NSNN để đánh giá nội dung BCQTNS có phù hợp các nội dung ghi trong dự toán ngân sách nhà nước được giao và theo mục lục NSNN.

- Đối chiếu BCQTNS bộ, cơ quan trung ương và BCQTNS đơn vị dự toán trực thuộc để đánh giá hệ thống các chỉ tiêu trên BCQTNS bộ, cơ quan trung ương có được tổng hợp đầy đủ, đúng theo chỉ tiêu trên BCQTNS của đơn vị dự toán trực thuộc, đảm bảo tính đầy đủ, trung thực.

- Phân tích thông tin tổng thể các chỉ tiêu trên BCQTNS đánh giá, làm rõ các chỉ tiêu, thông tin có biến động lớn, biến động bất thường hoặc có yếu tố không phù hợp với chức năng, phạm vi lĩnh vực được phân cấp.

- Trên cơ sở phân tích, đánh giá thông tin tài chính và hệ thống kiểm soát nội bộ, đánh giá trọng yếu kiểm toán để thực hiện chọn mẫu kiểm tra BCQTNS đơn vị trực thuộc, xác nhận sự phù hợp giữa chỉ tiêu trên BCQTNS cấp I với thông báo xét duyệt và phù hợp với BCQT của đơn vị trực thuộc (đã được xét duyệt của đơn vị cấp trên). Phân tích, đánh giá, làm rõ nguyên nhân chênh lệch.

- Kiểm toán đánh giá việc công khai dự toán, báo cáo quyết toán theo quy định của Luật NSNN và các văn bản quy định.

b) Về cấp độ khoản mục trong BCQTNS bộ, cơ quan trung ương

KTVNN phân tích, đánh giá chọn mẫu để kiểm tra các nội dung sau:

- KTVNN phải tiến hành các thủ tục kiểm toán để đưa ra ý kiến về công tác lập, xét duyệt quyết toán của bộ, cơ quan trung ương đối với đơn vị dự toán trực thuộc theo nội dung khoản mục trọng yếu.

- Thực hiện thủ tục kiểm tra, đối chiếu giữa các chỉ tiêu trên BCQTNS bộ, cơ quan trung ương và chỉ tiêu trên BCQTNS của đơn vị dự toán trực thuộc để đưa ra ý kiến về tính đầy đủ của các chỉ tiêu trên BCQTNS bộ, cơ quan trung ương (số dư kinh phí năm trước chuyển sang; dự toán được giao trong năm; tổng số được sử dụng trong năm; kinh phí thực nhận; kinh phí đề nghị quyết toán; kinh phí giảm trong năm; số dư kinh phí được phép chuyển năm sau sử dụng và quyết toán).

- Đối chiếu chỉ tiêu quyết toán so với quyết toán năm trước liền kề, phân tích, đánh giá, làm rõ các thông tin có biến động lớn, biến động bất thường.

- So sánh, đối chiếu để đánh giá, xác nhận chỉ tiêu quyết toán đúng mục lục NSNN, được lập đúng nội dung, phương pháp theo quy định và được trình bày nhất quán giữa các kỳ báo cáo; chỉ tiêu quyết toán phù hợp với chỉ tiêu giao dự toán NSNN và đúng mục lục NSNN, phân tích, đánh giá, làm rõ nguyên nhân các trường hợp chênh lệch.

- So sánh, phân tích các chỉ tiêu giao dự toán của bộ, cơ quan trung ương cho các đơn vị trực thuộc với chỉ tiêu được giao. Việc phân bổ dự toán của bộ, cơ quan trung ương cho các đơn vị sử dụng ngân sách phải bảo đảm theo quy định của Luật NSNN, lưu ý đánh giá: Dự toán bộ, cơ quan trung ương phân bổ đúng với dự toán ngân sách được giao cả về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực, nhiệm vụ thu, chi, nộp NSNN được giao; đảm bảo quy trình, thời hạn phân bổ theo quy định; tuân thủ Nghị quyết của Quốc hội và Chính phủ về điều hành ngân sách; việc bổ sung, điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách phải đảm bảo quy định của Luật NSNN.

- Thực hiện thủ tục kiểm toán đánh giá công tác giao dự toán của bộ, cơ quan trung ương cho các đơn vị trực thuộc.

- Chọn mẫu kiểm tra số liệu của khoản mục được tổng hợp tại BCQT của đơn vị được trình bày theo mục lục NSNN đã khớp đúng với báo cáo quyết toán đã được xét duyệt của đơn vị cấp dưới trực thuộc. Phân tích, đánh giá, làm rõ nguyên nhân các trường hợp chênh lệch.

- Tình hình thực hiện dự toán theo từng nội dung kinh phí, nội dung thu, chi, nộp NSNN, nguyên nhân không đạt dự toán. Trong đó, lưu ý việc thu, nộp NSNN các khoản phí được để lại theo quy định của Luật Phí, Lệ phí, Nghị định hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí, lệ phí; các Nghị quyết điều hành ngân sách hằng năm và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

- Thực hiện thủ tục kiểm tra việc số liệu quyết toán ngân sách của đơn vị sử dụng ngân sách phải được đối chiếu, xác nhận với KBNN nơi giao dịch: Chọn mẫu BCQTNS đơn vị sử dụng ngân sách để kiểm tra việc đối chiếu, xác nhận với KBNN nơi giao dịch của các đơn vị sử dụng ngân sách.

- Kiểm tra việc xác định số kinh phí giảm, số dư kinh phí năm trước chuyển sang và số dư chuyển năm sau có đảm bảo quy định của Luật NSNN.

- Kiểm tra số liệu tại Báo cáo thực hiện xử lý kiến nghị của kiểm toán, thanh tra, tài chính... có đảm bảo phù hợp với số liệu theo dõi của KTNN.

c) Một số ví dụ về rủi ro có sai sót trọng yếu trong lập và trình bày BCQTNS bộ, cơ quan trung ương cần xem xét:

- Chưa có đầy đủ các BCQTNS của các đơn vị dự toán trực thuộc để làm

cơ sở tổng hợp BCQTNS bộ, cơ quan trung ương: Có thể trong công tác tổng hợp lập BCQTNS của bộ, cơ quan trung ương đôi khi chú trọng quyết toán theo chỉ tiêu được giao mà không xem xét hoặc xem xét không đúng quyết toán của các đơn vị dự toán trực thuộc.

- BCQTNS bộ, cơ quan trung ương chưa tổng hợp đầy đủ các BCQTNS của các đơn vị dự toán trực thuộc.

- Bộ, cơ quan trung ương và đơn vị dự toán cấp trên chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm xét duyệt đối với BCQTNS của đơn vị dự toán trực thuộc.

- Công tác xét duyệt chưa đảm bảo quy định của Luật NSNN và các quy định pháp luật liên quan. Các nội dung đánh giá, nhận xét, điều chỉnh quyết toán không đầy đủ, thiếu căn cứ hoặc không phù hợp với quy định; các kiến nghị điều chỉnh giữa các đơn vị chưa đảm bảo đồng nhất, phù hợp quy định; hoặc đôi khi bỏ sót (bỏ qua) các sai sót của đơn vị sử dụng ngân sách trong quá trình xét duyệt.

- Số liệu trên BCQTNS bộ, cơ quan trung ương không khớp đúng với thông báo xét duyệt quyết toán các đơn vị dự toán trực thuộc.

- Số liệu BCQTNS của các đơn vị dự toán chưa được đối chiếu, xác nhận của cơ quan KBNN; số liệu quyết toán không khớp đúng với số liệu của KBNN, quyết toán cả số tạm ứng, số chi chuyển nguồn, nguồn vốn kéo dài chưa giải ngân.

- Chuyển nguồn không đúng quy định.

- Số liệu căn cứ để tổng hợp lập BCQTNS bộ, cơ quan trung ương là số liệu chưa được điều chỉnh theo kết quả xét duyệt đối với đơn vị trực thuộc. (BCQTNS của đơn vị trực thuộc chưa điều chỉnh theo thông báo xét duyệt) hoặc chưa điều chỉnh theo kết quả của cơ quan thanh tra, KTNN kiến nghị.

- Số liệu về tình hình thực hiện kiến nghị của KTNN tại Báo cáo thực hiện xử lý kiến nghị của cơ quan kiểm toán, thanh tra, tài chính (theo quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp) không khớp đúng với số liệu theo dõi của KTNN.

- Báo cáo quyết toán của đơn vị chưa đầy đủ hoặc không phù hợp các nội dung theo mẫu biểu quy định, lưu ý tính đầy đủ, hợp lý của các thông tin trong Thuyết minh báo cáo quyết toán (theo quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp).

- Chỉ tiêu quyết toán không phù hợp với chỉ tiêu dự toán được giao; quyết toán không đúng mục lục NSNN; quyết toán sai chỉ tiêu nguồn kinh phí; lập dự toán thiếu thuyết minh, căn cứ tính toán; lập, giao dự toán nhưng không thực hiện; tính kịp thời, phù hợp, cơ sở của việc giao, phân bổ dự toán; tính hợp pháp, đúng đắn của việc bổ sung, điều chỉnh dự toán trong năm; giao dự toán không khớp đúng với quyết định giao của Thủ tướng Chính phủ; phân bổ sai nguồn kinh phí; giao dự toán chậm so với quy định, điều chỉnh dự toán không đảm bảo quy định theo Luật NSNN.

- Lập, phân bổ và giao dự toán chưa đảm bảo tiêu chuẩn, định mức, chế độ của Nhà nước; phân bổ và giao dự toán chậm thời hạn quy định; phân bổ không đúng với hướng dẫn đối với một số khoản chi cụ thể như kinh phí sự nghiệp GD&ĐT, kinh phí sự nghiệp KH&CN...; Dự toán chưa phân bổ đến từng đơn vị sử dụng ngân sách ngay từ đầu năm.

- Điều chỉnh dự toán NSNN không đúng quy định Luật NSNN và văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

- Giữ lại kinh phí không thông báo hết dự toán đầu năm cho các đơn vị theo quyết định giao dự toán đầu năm Thủ tướng Chính phủ.

- Quyết toán khi chưa có dự toán được cấp có thẩm quyền giao, nhất là đối với nguồn viện trợ.

## MỤC II

### **PHƯƠNG PHÁP, THỦ TỤC KIỂM TOÁN CHỦ YẾU ĐỐI VỚI KIỂM TOÁN BÁO CÁO QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NSNN**

**Điều 15. Tài liệu thu thập đối với kiểm toán BCQT vốn đầu tư công nguồn NSNN theo năm ngân sách của bộ, cơ quan trung ương**

1. Các văn bản của bộ, cơ quan trung ương áp dụng cho niên độ được kiểm toán - kể cả sửa đổi, bổ sung: Hướng dẫn về xây dựng kế hoạch vốn đầu tư công, các văn bản chỉ đạo, điều hành về đầu tư công, các văn bản phân cấp về quản lý đầu tư công.

2. Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến lập, giao, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công, như: Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn; Kế hoạch vốn đầu tư công niên độ kiểm toán; Hồ sơ, tài liệu về đăng ký vốn đầu tư công niên độ kiểm toán của bộ, cơ quan trung ương, các Chủ đầu tư.

3. Các biểu mẫu báo cáo của bộ, cơ quan trung ương theo Thông tư của Bộ Tài chính quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, thanh toán kế hoạch vốn đầu tư công.

4. Các biểu mẫu báo cáo của bộ, cơ quan trung ương theo quy định tại Thông tư của Bộ Tài chính quy định việc quyết toán vốn đầu tư công thuộc nguồn vốn NSNN theo niên độ ngân sách hằng năm.

5. Các biểu mẫu báo cáo theo quy định của Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật NSNN.

6. Các tài liệu khác có liên quan.

**Điều 16. Kiểm toán công tác lập, xét duyệt BCQT vốn đầu tư công nguồn NSNN theo năm ngân sách**

Khi kiểm toán công tác lập, xét duyệt BCQT vốn đầu tư công nguồn NSNN theo năm ngân sách, KTVNN cần chú ý đến trách nhiệm tuân thủ (hay không tuân

thủ) quy trình, không thực hiện kiểm toán việc sử dụng vốn đầu tư, chỉ xem xét đến khía cạnh hợp lý, hợp lệ trong khuôn khổ về lập và trình bày BCQT vốn đầu tư công nguồn NSNN theo quy định. KTVNN phải thu thập đầy đủ bằng chứng thích hợp để đánh giá theo tiêu chí kiểm toán về khuôn khổ lập và trình bày BCQTNS bộ, cơ quan trung ương.

KTVNN đánh giá việc tuân thủ quy trình lập, xét duyệt BCQT vốn đầu tư công nguồn NSNN theo năm ngân sách, cụ thể:

1. Chủ đầu tư (hoặc ban quản lý dự án) lập BCQT theo niên độ gửi bộ, cơ quan trung ương hoặc cơ quan cấp trên của chủ đầu tư (trường hợp được phân cấp quản lý) trước ngày 01 tháng 5 năm sau năm quyết toán.

2. Bộ, cơ quan trung ương xét duyệt báo cáo của các chủ đầu tư; tổng hợp, lập BCQT theo niên độ gửi Bộ Tài chính trước ngày 05 tháng 7 năm sau năm quyết toán.

3. Trường hợp bộ, cơ quan trung ương phân cấp quản lý, chủ đầu tư báo cáo quyết toán theo niên độ gửi cơ quan cấp trên của chủ đầu tư được phân cấp quản lý; cơ quan được phân cấp chịu trách nhiệm xét duyệt báo cáo của các chủ đầu tư và tổng hợp báo cáo quyết toán các dự án thuộc phạm vi được phân cấp quản lý gửi bộ, cơ quan trung ương trước ngày 05 tháng 6 năm sau năm quyết toán để bộ, cơ quan trung ương tổng hợp, lập báo cáo quyết toán theo niên độ gửi Bộ Tài chính trước ngày 05 tháng 7 năm sau năm quyết toán.

4. Các bộ, cơ quan trung ương theo phân cấp quản lý, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư (trường hợp được phân cấp quản lý):

a) Kiểm tra tính đầy đủ, đúng về danh mục nhiệm vụ, dự án, vốn kế hoạch và số vốn giải ngân (chi tiết tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) của từng nhiệm vụ, dự án thuộc kế hoạch được giao trong năm quyết toán và thuộc kế hoạch các năm trước được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm quyết toán.

b) Kiểm tra, so sánh số vốn đã giải ngân (chi tiết tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) với vốn kế hoạch của từng nhiệm vụ, dự án; xác định số vốn báo cáo cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau hoặc hủy bỏ.

c) Kiểm tra sự phù hợp về nguồn vốn, cơ cấu vốn, ngành, lĩnh vực của từng nhiệm vụ, dự án.

d) Nhận xét về tình hình thực hiện và giải ngân vốn trong năm quyết toán, tình hình chấp hành chế độ chính sách, các nội dung, nhận xét khác (nếu có).

đ) Yêu cầu chủ đầu tư nộp ngay các khoản phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định và xuất toán các khoản chi sai chế độ, chi không đúng kế hoạch được giao; xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với chủ đầu tư chi sai chế độ, gây thất thoát ngân sách nhà nước.

Trường hợp báo cáo quyết toán theo niên độ của chủ đầu tư lập chưa đúng quy định, bộ, cơ quan trung ương, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư (trường hợp được phân cấp quản lý) yêu cầu chủ đầu tư giải trình, cung cấp thông tin, số liệu cần thiết, điều chỉnh hoặc yêu cầu lập lại báo cáo để xét duyệt theo quy định. Bộ, cơ quan trung ương, cơ quan cấp trên của chủ đầu tư (trường hợp được phân cấp quản lý) yêu cầu chủ đầu tư nộp các khoản phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định và xuất toán các khoản chi sai chế độ, chi không đúng kế hoạch được giao, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với chủ đầu tư sử dụng vốn không đúng quy định.

Bộ, cơ quan trung ương thực hiện đối chiếu với cơ quan thanh toán cấp trung ương để xác nhận các số liệu phục vụ công tác quyết toán theo niên độ chi tiết đến từng chương trình, nhiệm vụ, dự án trước khi tổng hợp, gửi báo cáo quyết toán theo niên độ cho Bộ Tài chính.

Cơ quan thanh toán cấp khu vực tổng hợp số liệu quyết toán theo niên độ báo cáo cơ quan thanh toán cấp trung ương trước ngày 15 tháng 4 năm sau năm quyết toán; cơ quan thanh toán cấp trung ương tổng hợp số liệu quyết toán theo niên độ báo cáo Bộ Tài chính trước ngày 01 tháng 6 năm sau năm quyết toán.

**Điều 17. Thủ tục thực hiện kiểm toán BCQT vốn đầu tư công nguồn NSNN theo năm ngân sách của bộ, cơ quan trung ương**

1. Kiểm toán, đánh giá công tác lập, phân bổ và giao kế hoạch vốn đầu tư công, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công, giao nguồn dự phòng NSTW.

a) Thủ tục thực hiện kiểm toán

- Kiểm tra căn cứ lập dự toán niên độ được kiểm toán theo Luật NSNN và Luật Đầu tư công, Nghị quyết của Quốc hội có liên quan: Văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính; kế hoạch đầu tư trung hạn; tình hình thực hiện vốn đầu tư công NSNN năm trước niên độ được kiểm toán; số kiểm tra dự toán ngân sách về chi ĐTPT của Bộ Tài chính. Việc chấp hành theo quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN.

- Kiểm tra yêu cầu lập dự toán thực hiện theo Luật NSNN, Luật Đầu tư công, Nghị quyết của Quốc hội có liên quan: Dự toán phải tổng hợp theo cơ cấu, trong đó có chi đầu tư phát triển (bao gồm cả nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn viện trợ, vốn Trái phiếu chính phủ, ...); trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSNN, khả năng cân đối các nguồn lực trong năm dự toán, quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- So sánh, đối chiếu sự phù hợp của các nguồn vốn trong kế hoạch đầu tư công do chủ đầu tư lập trình cấp có thẩm quyền phê duyệt so với khả năng huy

động các nguồn vốn đầu tư khác đối với các dự án sử dụng nhiều nguồn vốn đầu tư, tính khả thi của nguồn vốn huy động khác.

- Kiểm tra việc phân bổ và giao kế hoạch vốn đầu tư công của bộ, cơ quan trung ương niên độ được kiểm toán theo Luật NSNN và các quy định của Luật Đầu tư công, Nghị quyết của Quốc hội có liên quan: Đúng với dự toán ngân sách được giao cả về tổng mức vốn, cơ cấu vốn và chi tiết theo từng ngành, lĩnh vực chi được giao; phân bổ đủ vốn, kinh phí để thu hồi các khoản đã ứng trước dự toán đến hạn thu hồi trong năm, vốn đối ứng các dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của các nhà tài trợ nước ngoài theo cam kết; phải bảo đảm các yêu cầu theo quy định của pháp luật về đầu tư công, xây dựng và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Kiểm tra để làm rõ việc phân bổ và giao kế hoạch vốn đầu tư công niên độ được kiểm toán theo quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị quyết của Quốc hội có liên quan, các văn bản hướng dẫn của Quốc hội, Chính phủ, Bộ Tài chính về xây dựng kế hoạch đầu tư công hằng năm, ví dụ: Bố trí cho các dự án thuộc danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn, ưu tiên thanh toán nợ đọng XDCB, thu hồi vốn ứng trước; bố trí vốn để hoàn thành dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn bảo đảm thời gian theo quy định.

- Kiểm tra việc bộ, cơ quan trung ương quyết định bổ sung, điều chỉnh dự toán chi đầu tư phát triển có phù hợp với các quy định hay không.

- Kiểm tra, so sánh, đánh giá số giải ngân so với kế hoạch vốn được giao, chi tiết theo từng nguồn vốn (bao gồm cả số giao đầu năm và giao bổ sung trong năm). Làm rõ nguyên nhân giải ngân thấp (nếu có).

b) Một số ví dụ về rủi ro có sai sót trọng yếu cần xem xét:

- Lập dự toán không đầy đủ mẫu biểu; phân bổ và giao dự toán chậm thời hạn quy định, không giao hết từ đầu năm; bố trí vốn để trả nợ vay (cả gốc và lãi) đến hạn không kịp thời; chưa cân đối giữa nhu cầu và khả năng nguồn vốn bố trí cho đầu tư phát triển; cơ sở lập dự toán chưa hợp lý.

- Phân bổ cho các dự án chưa đảm bảo điều kiện quy định; không nằm trong kế hoạch đầu tư công trung hạn; không đúng tính chất nguồn vốn; phân bổ vượt kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn; chưa phân bổ từ đầu năm hoặc phân bổ thấp hơn quy định; chưa bố trí đủ vốn đối ứng cho các dự án; chưa bố trí thu hồi vốn ứng trước theo quy định.

- Phân bổ không căn cứ vào nhu cầu đăng ký; việc đăng ký nhu cầu vốn của chủ đầu tư chưa tính đến việc thu hồi tạm ứng; giao, điều chỉnh kế hoạch vốn quá chậm, muộn ảnh hưởng đến khả năng giải ngân.

2. Kiểm toán công tác lập, xét duyệt BCQT

a) Thủ tục thực hiện kiểm toán

- BCQT vốn đầu tư theo niên độ của bộ, cơ quan trung ương có được tổng hợp đầy đủ từ báo cáo của các Chủ đầu tư không.

- Đối chiếu, kiểm tra khớp đúng về nguồn vốn giữa BCQT vốn đầu tư theo niên độ ngân sách của bộ, cơ quan trung ương với kế hoạch vốn giao đầu năm và kế hoạch vốn bổ sung trong năm; nguồn vốn cấp cho các đơn vị không qua kiểm soát của KBNN (nếu có).

- Đối chiếu BCQT vốn đầu tư công nguồn NSNN do Bộ, cơ quan trung ương lập với số liệu trên BCQT vốn đầu tư công do KBNN lập theo từng nguồn vốn, ngành lĩnh vực (*lưu ý việc quyết toán vốn đầu tư theo niên độ gồm: Thanh toán khối lượng hoàn thành vốn thuộc kế hoạch năm trước kéo dài sang năm báo cáo, thanh toán khối lượng hoàn thành vốn thuộc kế hoạch năm báo cáo, thanh toán tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi năm báo cáo*) để xác định số quyết toán vốn đầu tư công thuộc ngân sách bộ, cơ quan trung ương theo năm ngân sách. Lưu ý: đối chiếu số liệu quyết toán theo niên độ với các báo cáo của KBNN và các cơ quan thanh tra, kiểm tra (nếu có).

- Kiểm tra việc xác định số liệu, nguồn vốn được phép kéo dài sang năm sau có đúng quy định, trong đó lưu ý đối với các nguồn vốn kéo dài từ năm trước sang thực hiện trong năm theo quy định tại Luật Đầu tư công. Kiểm tra công tác theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, thu hồi tạm ứng vốn đầu tư, trong đó lưu ý các khoản tạm ứng quá thời hạn chưa thu hồi.

- Xem xét thời hạn khóa sổ lập BCQT niên độ được kiểm toán: Thực hiện khóa sổ kế toán và lập BCQT theo quy định. Thời gian chính lý quyết toán NSNN kết thúc vào ngày 31/01 năm sau. Các khoản tạm ứng đã đủ điều kiện chi, khối lượng, công việc đã thực hiện từ ngày 31/12 niên độ được kiểm toán trở về trước được giao trong dự toán ngân sách, thì thời hạn chi, thanh toán ngân sách được thực hiện đến hết ngày 31/01 năm sau và được hạch toán, quyết toán vào ngân sách niên độ được kiểm toán.

- Số liệu BCQT phải được phản ánh chi tiết theo từng chủ đầu tư, từng nguồn vốn, từng dự án, trong đó chi tiết vốn trong nước và vốn nước ngoài (nếu có).

- Chọn mẫu một số BCQT vốn đầu tư công nguồn NSNN theo năm ngân sách của chủ đầu tư để so sánh, đối chiếu, đánh giá công tác quyết toán, xét duyệt, lập BCQTNS bộ, cơ quan trung ương cũng như tính đúng đắn, sự phù hợp giữa số liệu tổng hợp và số liệu chi tiết.

- Đối với số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi không đưa vào quyết toán niên độ ngân sách của năm quyết toán. Sau thời gian chính lý quyết toán, số dư tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi còn lại được chuyển sang ngân sách năm sau để thu hồi tạm ứng, Bộ, cơ quan trung ương không phải xét chuyển.

- Kiểm tra trình tự lập, gửi, xét duyệt và thông báo kết quả xét duyệt BCQT vốn đầu tư nguồn NSNN niên độ được kiểm toán:

+ Xem xét công tác lập BCQT năm của chủ đầu tư (hoặc Ban quản lý dự án chuyên ngành) gửi Bộ, cơ quan trung ương; việc đối chiếu, số liệu với KBNN đầy đủ và khớp đúng.

+ Xem xét công tác xét duyệt và thông báo kết quả xét duyệt quyết toán năm của Bộ, cơ quan trung ương gửi các đơn vị, chủ đầu tư và KBNN; công tác tổng hợp vào quyết toán bộ, cơ quan trung ương niên độ được kiểm toán báo cáo Bộ Tài chính; việc chấp hành gửi BCQT cho Bộ Tài chính.

- Kiểm tra nội dung xét duyệt BCQT vốn đầu tư nguồn NSNN niên độ được kiểm toán của Bộ, cơ quan trung ương. Làm rõ các nội dung:

+ Sự phù hợp về tổng nguồn vốn, cơ cấu vốn trong BCQT của chủ đầu tư và báo cáo tổng hợp quyết toán của KBNN (hoặc cơ quan thanh toán). Sự phù hợp về danh mục dự án giữa BCQT của các chủ đầu tư và KBNN (hoặc cơ quan thanh toán). Kiểm tra sự khớp đúng về số liệu (lũy kế vốn giải ngân, thanh toán khối lượng hoàn thành, vốn tạm ứng...) giữa xác nhận của cơ quan kiểm soát thanh toán trung ương và cơ quan kiểm soát thanh toán nơi thanh toán (KBNN).

+ Kiểm tra, so sánh kế hoạch vốn, số vốn thanh toán của từng dự án giữa BCQT của các chủ đầu tư và KBNN (hoặc cơ quan thanh toán); xác định số vốn được chuyển sang năm sau tiếp tục thực hiện và thanh toán; số kế hoạch vốn hủy bỏ.

+ Lưu ý là KTVNN chỉ xem xét, đối chiếu giữa BCQT của bộ, cơ quan trung ương về các nguồn vốn với BCQT các đơn vị, Ban quản lý lập; không thực hiện kiểm tra, đối chiếu các công trình đầu tư xây dựng.

- Xem xét thời hạn gửi báo cáo, xét duyệt và thông báo kết quả xét duyệt quyết toán vốn đầu tư niên độ được kiểm toán:

+ Thời hạn gửi BCQT năm của chủ đầu tư do bộ, cơ quan trung ương quy định theo Luật NSNN; KBNN tổng hợp, lập và gửi BCQT niên độ được kiểm toán theo quy định.

+ Thời hạn xét duyệt và thông báo kết quả xét duyệt quyết toán năm của Bộ, cơ quan trung ương theo quy định.

- Lưu ý, một công trình đầu tư công thường có nhiều nguồn vốn và thực hiện trong nhiều năm trong khi kiểm toán quyết toán vốn đầu tư chỉ chú trọng nguồn vốn ngân sách giải ngân và quyết toán trong năm. KTVNN lưu ý số liệu quyết toán đối với nguồn năm trước chuyển sang, nguồn được giao trong năm hay các nguồn khác. Cần tổng hợp để làm rõ việc quyết toán theo từng nguồn vốn. Thực hiện thủ tục kiểm toán để đánh giá công tác đối chiếu, xác nhận của KBNN nơi giao dịch.

b) Một số ví dụ về rủi ro có sai sót trọng yếu trong lập và trình bày báo cáo quyết toán ngân sách bộ, cơ quan trung ương cần xem xét:

- Thời hạn việc lập, xét duyệt BCQT vốn đầu tư công nguồn NSNN theo năm ngân sách (của chủ đầu tư, của bộ, cơ quan trung ương) còn chậm so quy định.

- BCQT vốn đầu tư công nguồn NSNN của chủ đầu tư, của bộ ngành cơ quan trung ương lập không đúng mẫu biểu, thiếu các chỉ tiêu số liệu nguồn vốn, thanh toán, giải ngân, quyết toán, thiếu thuyết minh, phụ lục so với quy định.

- Các chủ đầu tư, các ban QLDA không gửi BCQT vốn đầu tư năm ngân sách theo quy định gửi Bộ, cơ quan trung ương.

- Số liệu BCQT chưa được đối chiếu, xác nhận của cơ quan KBNN theo quy định.

- Bộ, cơ quan trung ương chậm thực hiện xét duyệt và thông báo kết quả xét duyệt quyết toán vốn đầu tư hàng năm gửi các chủ đầu tư và KBNN.

- Số liệu nguồn vốn không khớp đúng với các quyết định giao dự toán, số liệu quyết toán không phù hợp với nguồn vốn.

- Số liệu quyết toán ngân sách không khớp đúng với số liệu của KBNN, quyết toán cả số tạm ứng, quyết toán cả nguồn vốn kéo dài chưa giải ngân hết.

- Thủ tục kéo dài kế hoạch vốn sang năm sau không đúng quy định./.